TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 9 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Luyến

Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐngày 10 tháng 02 năm 2023về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2588/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số G, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Quách Trọng V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số E Clarendon St Vancouver BC V 3J5, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 01 năm 2023, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C *trình bày:*

Bà C và ông Quách Trọng V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 27/11/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh B, được cấp Giấy chứng ngận kết hôn. Sau khi kết hôn thì, khoảng tháng 12/2014 ông V trở về Canada để lo thủ tục cho bà C qua Canada sinh sống. Đến năm 2018, thì bà phát hiện ông V có mối quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác. Điều này khiến cho bà cảm thấy buồn phiền và thất vọng; tuy nhiên do khoảng cách địa lý quá xa nên ông bà cũng không có điều kiện gặp gỡ nhau để giải quyết mâu thuẫn. Từ

đó, vợ chồng bà không còn liên lạc với nhau, tình cảm phai nhạt. Bà nhận thấy vợ chồng không thể duy trì đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Quách Trọng V, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án do hiện tại bà bận công việc không thể tham gia được.

Về phía bị đơn ông Quách Trọng V đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Quách Trọng V đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng việc ủy thác không có kết quả vì không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu. Toà án đã lập biên bản làm việc với bà C về việc yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ mới của ông V nhưng bà C không cung cấp được, đồng thời bà C có yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án theo thời gian quy định, tuy nhiên ông Quách Trọng V vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị C và ông Quách Trọng V theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị C và ông Quách Trọng V là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đang ở Việt Nam, bị đơn ông Quách Trọng V hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Canada) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Quách Trọng V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh B vào ngày 27/11/2014, đã được cấp Giấy chứng nhận kế hôn số 206 ngày 27/11/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông V trở về Canada để lo thủ tục, giấy tờ cho bà C sang nước ngoài đoàn tụ cùng ông V. Đến năm 2018, bà C cho rằng ông V có mối quan hệ tình cảm với người khác dẫn đếnmâu thuẫn quan hệ vợ chồng; do bà và ông V sinh sống xa nhau, cách trở về địa lý nên không thể giải quyết được

mâu thuẫn vợ chồng. Bà C nhận thấy không thể duy trì đời sống chung với ông V nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông V.

Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông Quách Trọng V nhưng không có kết quả, Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm (thông qua cổng thông tin điện tử của Tòa án) nhưng vẫn không nhận được văn bản nêu ý kiến của ông V về những vấn đề bà C yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà C và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà C yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Quách Trọng V nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, 147, 227, 228, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Quách Trọng V.

1.2. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Quách Trọng V nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, về tài sản chung, về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001772 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001785 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án; ông Quách Trọng V được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được được niêm yết hợp lệ trên cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt